

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG
Bản án số: **02/2023/HS-ST**
Ngày 05 - 01 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Bốn.

2. Bà Phan Thị Bích.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên và Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa trực tuyến xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2022/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 99/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ THỊ O** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nữ; Sinh ngày 03/3/1976 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi ĐKKHKT, chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 07/12;

- Họ tên cha: Lê Văn S (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ 05;

- Họ tên chồng: Không; Con: Có 01 con, sinh năm 2010;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 04/9/2021 của Công an xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên xử phạt 200.000 đồng về hành vi không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú (đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 22/9/2021).

- Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 649/2005/HSPT ngày 29/6/2005 của Tòa án Phúc thẩm tại Hà Nội, xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Chứa mại dâm” (đã chấp hành xong ngày 17/01/2009).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2022 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt*

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Chúc Thị T, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

2. Chị Hà Thị M, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Đoàn Trung K, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Tạ Chu L, sinh năm 1999,

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T, chị M, anh K, anh L đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017 cho đến nay, Lê Thị O sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở hàng bán nước giải khát tại nhà có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Phòng Tài chính kế hoạch huyện Hàm Yên cấp. Khoảng tháng 6 năm 2022, do ít khách hàng nên O nảy sinh ý định tuyển người bán dâm đến ở nhà O làm nhân viên bán nước để thu hút khách đến uống nước tăng thu nhập. Sau đó O thuê Hà Thị M, sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang và Chúc Thị T, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang làm nhân viên, đồng thời thỏa thuận nếu khách đến quán có nhu cầu mua dâm thì O là người đứng ra môi giới, giới thiệu khách người bán dâm đi bán dâm cho khách lấy tiền. Tiền bán dâm có được M và T được hưởng còn M và T phải nộp cho O tiền sinh hoạt 100.000đồng/01người/01ngày.

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 21/8/2022, Tạ Chu L, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang gọi điện thoại cho O hỏi “*Quán có nhân viên không?*”, ý hỏi có người bán dâm không, O trả lời “*Có hai đứa*”. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, O chưa thấy L đến nên sử dụng điện thoại di động gọi điện cho L hỏi “*Em sắp đến chưa*”, L đáp “*Em đang xuống*”. Khoảng 05 phút sau, Tạ Chu L cùng Đoàn Trung K, sinh năm 1981 trú tại thôn 4, xã T, huyện Y; Đỗ Trung H, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến quán cà phê của O. K đặt vấn đề bảo O bố trí một nhân viên bán dâm cho K, O nói giá mua dâm là 400.000 đồng/01 người/01 lần. K đồng ý và đưa tiền số tiền 400.000 đồng cho O rồi K chỉ tay về phía M và bảo O bố trí M bán dâm cho K. O đưa số tiền này cho M bảo M đi bán dâm cho K. Thấy vậy, Tạ Chu L cũng đặt vấn

đề bảo O bố trí nhân viên bán dâm cho L, O nói giá mua dâm là 400.000 đồng/01 người/01 lần. L đồng ý và đưa tiền số tiền 400.000 đồng cho O, sau đó O đưa số tiền này cho T bảo T đi bán dâm cho L. K hỏi M đi nhà nghỉ nào thì M nói đến nhà nghỉ Thăng Hương ở Km 20 đường Tuyên Quang - Hà Giang và bảo K, L đi trước. Sau đó, K cùng L đi đến nhà nghỉ Thăng Hương tại thôn 20, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên còn H ngồi chờ ở nhà O. Khi đến nơi, K và L bảo chủ nhà nghỉ là ông Trần Đức T, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cho thuê 02 phòng. Ông T bố trí cho hai phòng là phòng số 101 và 103, sau đó M và T cũng đi xe mô tô đến. M đi vào phòng 101 để bán dâm cho K, T đi vào phòng 103 để bán dâm cho L. Hồi 22 giờ 05 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành kiểm tra, xác minh phát hiện tại nhà nghỉ Thăng Hương. M, T, K và L đang có hành vi mua, bán dâm. M, T, K và L khai báo do O làm trung gian để M và K, T và L mua bán dâm.

Tại bản cáo trạng số 93/CT-VKSHY, ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lê Thị O về tội “Môi giới mại dâm”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị O tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nội dung lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra.

Kết thúc phần hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Thị O theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị O, phạm tội “Môi giới mại dâm”. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị O từ 3 (ba) năm 3 (ba) tháng đến 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 24/8/2022).

+ Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, đã bị xé rách và 01 vỏ bao cao su màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, còn nguyên vẹn thu giữ của Hà Thị M.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, đã bị xé rách thu giữ của Chúc Thị T.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, vỏ màu đen, bên trong có lắp 02 sim điện thoại, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy thu giữ của bị cáo Lê Thị O.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 400.000 đồng thu giữ của chị Hà Thị M và số tiền 400.000 đồng thu giữ của chị Chúc Thị T.

- Trả lại cho chị Chúc Thị T là chủ sở hữu hợp pháp số tiền 1.240.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Thị O nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị O đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản kiểm tra xác minh; Biên bản xác định hiện trường; Biên bản nhận dạng; Vật chứng thu giữ; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/8/2022 tại thôn Tân Lập, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Lê Thị O đã có hành vi làm trung gian môi giới cho 02 người gồm: Hà Thị M và Chúc Thị T thực hiện hành vi bán dâm tại Nhà nghỉ Thăng Hương tại thôn 20, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể: Tại phòng 101 Nhà nghỉ Thăng Hương, Hà Thị M bán dâm cho Đoàn Trung K; Tại phòng 103 Nhà nghỉ Thăng Hương, Chúc Thị T bán dâm cho Tạ Chu L. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về hành vi phạm tội “Môi giới mại dâm” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về trật tự công cộng, đồng thời còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc môi giới mại dâm là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 04/9/2021 của Công an xã

Đức Ninh, huyện Hàm Yên xử phạt 200.000 đồng về hành vi không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú; Bản án hình sự phúc thẩm số 649/2005/HSPT ngày 29/6/2005 của Tòa án Phúc thẩm tại Hà Nội, xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Chứa mại dâm” nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Môi giới mại dâm” nên cần phải xét xử bị cáo thật nghiêm minh và cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bị cáo có bố đẻ là ông Lê Hồng Sương (Lê Văn Sương) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; Có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Dư được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án khởi điểm trong khung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ: 01 Phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của Hà Thị M tại mép dán bên trong có: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, đã bị xé rách và 01 vỏ bao cao su màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, còn nguyên vẹn; 01 Phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của Chúc Thị T tại các mép dán, bên trong có: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, đã bị xé rách; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu đen bên trong lắp 02 sim điện thoại

máy cũ, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị O; Số tiền 400.000 đồng của Hà Thị M và số tiền 1.640.000 đồng của Chúc Thị T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng và 03 vỏ bao cao su thu giữ của chị Hà Thị M và chị Chúc Thị T. Đây là vật chứng của vụ án và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu đen bên trong lắp 02 sim, điện thoại máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Thị O. Đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo O dùng để thực hiện hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Đối với số tiền 400.000 đồng thu giữ của chị Hà Thị M. Đây là tiền do chị M thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Đối với số tiền 1.640.000 đồng thu giữ của chị Chúc Thị T (trong đó có 400.000 đồng do chị T thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có và 1.240.000 đồng là tiền cá nhân của chị T). Nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng mà chị T thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có theo quy định; Còn số tiền 1.240.000 đồng đã thu giữ của chị T, đây là tiền cá nhân của chị T và không liên quan đến vụ án nên cần trả lại số tiền trên cho chị Chúc Thị T theo quy định.

[6] Đối với hành vi mua dâm của Đoàn Trung K và Tạ Chu L; Hành vi bán dâm của Chúc Thị T và Hà Thị M; Hành vi hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của Trần Đức T. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Yên đã chuyển các tài liệu liên quan đến UBND huyện Hàm Yên để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị O, phạm tội “Môi giới mại dâm”.

+ Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị O **3 (ba) năm 3 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 24/8/2022).

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, đã bị xé rách và 01 vỏ bao cao su màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, còn nguyên vẹn thu giữ của Hà Thị M trong một phong bì được niêm phong, có chữ ký của Hà Thị M, Hà Tất T, Hà Văn Đ, Đoàn Trung K và 05 (năm) hình dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép dán.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su một mặt màu trắng, một mặt màu vàng có in chữ nước ngoài, trong đó có các chữ Water & Lotus, đã bị xé rách thu giữ của Chúc Thị T trong một phong bì được niêm phong, có chữ ký của Hà Tất T, Hà Văn Đ, Tạ Chu L, điểm chỉ ngón trỏ phải của Chúc Thị T, bên ngoài ghi dòng chữ “Bao cao su và vỏ bao cao su” và 05 (năm) hình dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép dán.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, vỏ màu đen, số sê ri: RF8T308J3HP, số IMEI 1: 350944132322780, số IMEI 2: 353186702322785, bên trong có lắp 02 sim điện thoại, gồm: 01 sim trên sim in chữ Viettel 4G và dãy số 8984 04800 00374 85338, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy thu giữ của bị cáo Lê Thị O, được niêm phong trong một phong bì niêm phong, có chữ ký của Lê Thị O, Hà Tất T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thành T và 05 (năm) hình dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép dán.

(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang với Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, lập ngày 09/12/2022).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của chị Hà Thị M và số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của chị Chúc Thị T.

- Trả lại cho chị Chúc Thị T là chủ sở hữu hợp pháp số tiền 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

(Số tiền trên Công an huyện Hàm Yên đã giao cho Chi cục thi hành án dân sự Hàm Yên, thể hiện tại giấy uỷ nhiệm chi ngày 12 tháng 12 năm 2022)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Thị O phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.Quang;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T.Quang;
- Công an huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng